

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17- 01-2025
V/v tranh chấp về nuôi con
nuôi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Thiện
- Ông Lê Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số: 731/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp về nuôi con nuôi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị S, sinh năm 1969; địa chỉ: Số B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Số A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1963; địa chỉ: Số B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Số A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Ngô Thị S trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn Q. Vào năm 2019 do điều kiện kinh tế của gia đình ông T khó khăn, vợ chồng bà lại có nhu cầu nhận nuôi cháu Ngô Yến N, sinh ngày 05/6/2011 (là con ruột của ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị H) nên vào ngày 03/6/2019 tại UBND phường B vợ chồng ông T, bà H đồng ý giao cháu N cho vợ chồng bà nhận

làm con nuôi và đã được UBND phường B cấp giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 03; Quyền số 01/2019 ngày 03/6/2019. Sau khi UBND phường B cấp giấy chứng nhận nhận nuôi con nuôi cho vợ chồng bà thì vợ chồng ông T, bà H đã giao cháu N cho vợ chồng bà nuôi dưỡng. Ngày 21/5/2024 vợ chồng bà đã đi làm thủ tục thay đổi hộ tịch cho cháu N theo Trích lục số 414/TLTĐHT-BS ngày 21/5/2024, trích lục có nội dung thay đổi từ họ và tên cha Ngô Văn T; năm sinh cha: 1982; họ và tên mẹ: Nguyễn Thị H; năm sinh mẹ: 1984; nơi thường trú cha: Thị trấn T, huyện H, tỉnh Nam Định; thành: họ và tên cha: Nguyễn Văn Q; năm sinh cha: 08/5/1963; họ và tên mẹ: Ngô Thị S; Năm sinh mẹ: 04/06/1969; nơi thường trú cha, mẹ: 23A/5I, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Quá trình nuôi dưỡng vợ chồng bà luôn thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và coi cháu N giống như con ruột, không có sự phân biệt đối xử giữa con đẻ và con nuôi. Tuy nhiên, một thời gian sau ông T có những hành vi gây cản trở việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu N của vợ chồng bà nên 02 bên phát sinh mâu thuẫn, sau đó ông T dẫn cháu N về nhà của ông T ở khoảng hơn 3 tháng nay và không trả cháu N về cho vợ chồng bà. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu ông T phải chấm dứt hành vi cản trở việc nuôi con nuôi của vợ chồng bà và bà yêu cầu vợ chồng ông T giao trả cháu N cho vợ chồng bà tiếp tục nuôi dưỡng.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy chứng nhận nuôi con nuôi; Giấy khai sinh của con; Trích lục thay đổi hộ tịch.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Ngô Văn T trình bày:

Ông và bà Ngô Thị S là chị em ruột. Vào năm 2019 do điều kiện kinh tế của gia đình ông khó khăn, bà S và chồng là ông Nguyễn Văn Q lại có nhu cầu nhận nuôi cháu Ngô Yến N, sinh ngày 05/6/2011 (là con ruột của ông và bà Nguyễn Thị H) nên vào ngày 03/6/2019 tại UBND phường B vợ chồng ông đồng ý giao cháu N cho bà S, ông Q nhận làm con nuôi và đã được UBND phường B cấp giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 03; Quyền số 01/2019 ngày 03/6/2019. Sau khi UBND phường B cấp giấy chứng nhận nhận nuôi con nuôi cho bà S, ông Q thì vợ chồng ông đã giao cháu N cho bà S, ông Q nuôi dưỡng. Ngày 21/5/2024 bà S, ông Q đã đi làm thủ tục thay đổi hộ tịch cho cháu N.

Quá trình nuôi dưỡng ông thấy vợ chồng ông Q, bà S thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N giống như con ruột, không có sự phân biệt đối xử giữa con đẻ và con nuôi và cháu N cũng yêu quý bà S, ông Q như cha mẹ ruột của mình, cháu N được đến trường giống như bao đứa trẻ khác. Tuy nhiên, do vẫn còn lưu luyến thương con nên ông có những hành vi gây cản trở việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu N đối với vợ chồng ông Q, bà S nên 02 bên phát sinh mâu thuẫn và ông có dẫn cháu N về nhà của ông ở khoảng 03 tháng nay. Trong thời gian cháu N sống với vợ chồng ông thì ông được biết nguyện vọng của cháu N hiện nay rất muốn trở về sống với ông Q, bà S, thấy tâm trạng buồn của con khi phải xa cha mẹ nuôi ông cũng buồn theo. Và ông cảm thấy cháu N sống bên cha mẹ nuôi được chăm sóc tốt hơn, đảm bảo quyền lợi cho cháu tốt hơn. Nay, bà S khởi kiện yêu cầu ông phải chấm dứt hành vi cản trở việc nuôi con nuôi đối với vợ chồng bà S, ông Q thì ông đồng ý và chấp nhận giao cháu N cho bà S, ông Q tiếp tục nuôi dưỡng, ông cam kết không gây khó khăn hay cản trở việc nuôi con nuôi của ông Q, bà S.

Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, ông T có văn bản đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của ông đồng ý giao cháu N cho vợ chồng bà S, ông Q và ông cam kết không gây khó khăn hay cản trở việc nuôi con nuôi của ông Q, bà S.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà là vợ của ông Ngô Văn T, bà thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông T và bà đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, bà S có văn bản đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của bà đồng ý giao cháu N cho vợ chồng bà S, ông Q và bà cam kết không gây khó khăn hay cản trở việc nuôi con nuôi của ông Q, bà S.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà S khởi kiện ông T về việc có hành vi cản trở việc nuôi con nuôi của bà, ông T hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Số A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 8 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Nguyên đơn bà Ngô Thị S; bị đơn ông Ngô Văn T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ngày 03/6/2019 tại UBND phường B vợ chồng ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị H đồng ý giao cháu Ngô Yên N, sinh ngày 05/6/2011 cho bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Văn Q nhận làm con nuôi và đã được UBND phường B cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 03; Quyền số 01/2019 ngày 03/6/2019. Ngày 21/5/2024 bà S, ông Q đã đi làm thủ tục thay đổi hộ tịch cho cháu N theo Trích lục số 414/TLTĐHT-BS ngày 21/5/2024. Tại Điều 9 của Luật nuôi con nuôi quy định về thẩm quyền đăng ký nuôi con nuôi “Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi thường trú của người được giới thiệu làm con nuôi hoặc của người nhận con nuôi đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước”. Bà Ngô Thị S, sinh năm 1969 và ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1963; cùng thường trú tại địa chỉ: Số B, khu phố B, phường

B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bà S, ông Q có đủ điều kiện nhận con nuôi theo quy định tại Điều 14 Luật nuôi con nuôi. Do đó, việc UBND phường B đã đăng ký và cấp giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho ông Q, bà S là hợp pháp.

[3.2] Sau khi UBND phường B cấp giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho bà Ngô Thị S và ông Nguyễn Văn Q thì vợ chồng ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị H đã giao cháu Ngô Yến N, sinh ngày 05/6/2011 cho vợ chồng bà S, ông Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Quá trình nuôi dưỡng vợ chồng ông T, bà H đều thừa nhận vợ chồng ông Q, bà S chăm sóc con rất tốt, không có sự phân biệt giữa con đẻ và con nuôi, cháu N được đến trường đi học đầy đủ và phát triển bình thường. Tuy nhiên, do còn thương nhớ con nên ông T đã có hành vi gây cản trở việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu N đối với vợ chồng ông Q, bà S và ông T đã dẫn cháu N về nhà của ông ở nhiều tháng nay. Quá trình tố tụng, Tòa án đã động viên giải thích thì được ông T, bà H chấp nhận không gây cản trở việc nuôi con nuôi và đồng ý giao cháu N về cho ông Q, bà S tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2024 cháu Ngô Yến N xác định quá trình nuôi dưỡng ông Q, bà S chăm sóc cháu rất tốt và cháu có nguyện vọng muốn trở về sống với ông Q, bà S. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, ông T, bà H đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của ông bà về việc đồng ý giao cháu N cho vợ chồng ông Q, bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ông bà cam kết không cản trở việc nuôi con nuôi của ông Q, bà S. Xét, đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 68; Điều 69; Điều 78 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 4; Điều 9; Điều 14; Điều 22, Điều 24 Luật nuôi con nuôi.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị S với bị đơn ông Ngô Văn T về việc “Tranh chấp về nuôi con nuôi”.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị H giao cháu Ngô Yến N, sinh ngày 05/6/2011 cho bà Ngô Thị S và ông Nguyễn Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị H không được cản trở việc nuôi con nuôi của bà Ngô Thị S và ông Nguyễn Văn Q.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị S tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005320 ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Tuyết

